

Thực trạng đời sống kinh tế của người cao tuổi Việt Nam khi con cái di cư nội địa

TRẦN THỊ TRÚC*

Tóm tắt

Bằng việc áp dụng phương pháp phân tích, thống kê trên số liệu điều tra mức sống của hộ gia đình Việt Nam (VHLSS2012), bài viết đánh giá thực trạng đời sống kinh tế của người cao tuổi (NCT) Việt Nam khi con cái di cư nội địa. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tiền gửi từ di cư nội địa về các hộ gia đình có NCT chiếm tỷ trọng cao trong tổng số tiền gửi.

Từ khóa: di cư nội địa, tiền gửi, người cao tuổi

Summary

By applying the method of analysis and statistics on Vietnam Household Living Standards Survey (VHLSS) 2012, the article assesses the economic life status of the Vietnamese elderly whose children migrate internally. The outcome illustrates that remittances from in-migration to elderly households account for a high proportion of total deposits.

Keywords: internal migration, deposits, the elderly

GIỚI THIỆU

Trong nền kinh tế thị trường, vấn đề di cư lao động có tính tất yếu, lao động tự tìm kiếm thị trường hàng hóa sức lao động của mình. Tuy nhiên, những nghiên cứu về vấn đề di cư mới chỉ tập trung chủ yếu vào tác động của tiền gửi từ di cư quốc tế tới giảm nghèo và bình đẳng, chứ chưa thể hiện vai trò của tiền gửi từ di cư nội địa. Do đó, nghiên cứu "Thực trạng đời sống kinh tế của Người cao tuổi Việt Nam khi con cái di cư nội địa" là rất cần thiết, nhất là trong bối cảnh dân số già hóa nhanh, đời sống NCT có nhiều thay đổi với nhiều rủi ro về kinh tế - xã hội, cũng như xu hướng di cư nội địa ngày càng mạnh và tác động lớn đến phát triển bền vững ở khu vực nông thôn Việt Nam.

TỔNG QUAN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tổng quan nghiên cứu

Dân số Việt Nam đang tiến dần về giai đoạn cuối của quá trình "quá độ dân số", mà ở đó tỷ suất sinh giảm nhanh và tuổi thọ ngày càng được cải thiện (Pfau và

Giang, 2010). So với các quốc gia phát triển, Việt Nam sẽ đối mặt với tốc độ già hóa nhanh hơn gấp hai lần trong bốn thập niên tới đây. Cụ thể, tỷ lệ NCT từ 65 tuổi trở lên ở Việt Nam sẽ tăng gấp đôi (từ 7% lên 14%) trong thời gian chưa tới 20 năm, trong khi các nước phát triển (như Thụy Điển, Pháp, Mỹ...) phải mất từ 75 năm đến 100 năm (Barbieri, 2006). Báo cáo của Quỹ dân số Liên hợp quốc (UNFPA, 2011) cho thấy, Việt Nam chính thức bước vào giai đoạn "bắt đầu già" từ năm 2011, khi tỷ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên chạm ngưỡng 7%.

Bên cạnh đó, quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa nhanh cũng đã làm cho việc sắp xếp cuộc sống của NCT thay đổi nhanh chóng, đặc biệt là NCT ở khu vực nông thôn - nơi có tới gần 70% dân số cao tuổi đang sinh sống (UNFPA, 2011). Trước đây, mẫu gia đình truyền thống, đặc biệt là các gia đình ở khu vực nông thôn, là gia đình có nhiều thế hệ cùng sinh sống và chia sẻ nguồn lực. Tuy nhiên, sự thay đổi từ mẫu gia đình truyền thống sang mẫu gia đình hạt nhân (đặc biệt là gia đình chỉ có 2 vợ chồng cao tuổi sống với nhau, hoặc chỉ có ông, bà sống với cháu, chắt) lại ngày càng rõ rệt. Một trong những yếu tố làm thay đổi cuộc sống NCT, đặc biệt đối với NCT ở khu vực nông thôn, là việc di cư của những người con trong độ tuổi lao động nhằm mục đích chính là tìm kiếm các cơ hội phát triển kinh tế.

Ở Việt Nam, tốc độ di cư, đặc biệt là di cư nội địa, diễn ra nhanh chóng kể từ giữa những năm 1990 đến nay. Theo Tổng cục Thống kê (2012), trong giai đoạn

*Học viên Chính sách và Phát triển

Ngày nhận bài: 30/03/2020; Ngày phản biện: 08/04/2020; Ngày duyệt đăng: 17/04/2020

BẢNG 1: GIÁ TRỊ TIỀN GỬI THEO LOẠI HÌNH DI CƯ

Loại hình di cư	Tiền gửi từ di cư quốc tế	Tiền gửi từ di cư nội địa	Tiền gửi từ cả hai loại hình di cư
Lượng tiền gửi (đơn vị: nghìn đồng)	38.088	109.681	147.769
Tỷ lệ (đơn vị: %)	25,8	74,2	100

BẢNG 2: TỶ LỆ CÁC HỘ GIA ĐÌNH NHẬN ĐƯỢC TIỀN GỬI TÍNH THEO NGUỒN GỐC TIỀN GỬI (%)

Toàn bộ các hộ gia đình	
Không nhận tiền gửi	5,9
Nhận tiền gửi từ di cư nội địa	86,6
Nhận tiền gửi từ di cư quốc tế	1,8
Nhận cả tiền gửi từ di cư quốc tế và nội địa	5,7
Các hộ gia đình có ít nhất một người cao tuổi	
Không nhận tiền gửi	0,9
Nhận tiền gửi từ di cư nội địa	34,8
Nhận tiền gửi từ di cư quốc tế	0,4
Nhận cả tiền gửi từ di cư quốc tế và nội địa	2,2

BẢNG 3: TỶ LỆ GIÁ TRỊ TIỀN GỬI TÍNH THEO NGUỒN GỐC TIỀN GỬI (%)

Đối với tổng thể các hộ gia đình	
Nguồn gốc tiền gửi	
Tiền gửi từ di cư nội địa	74,2
Tiền gửi từ di cư quốc tế	25,8
Tổng tiền gửi	100
Đối với các hộ gia đình có ít nhất một người cao tuổi	
Nguồn gốc tiền gửi	
Tiền gửi từ di cư nội địa	28,5
Tiền gửi từ di cư quốc tế	7,5
Tổng tiền gửi	36

Nguồn: Tính toán từ VHLSS2012

1999-2009, tỷ lệ di cư lên vùng đã tăng gần 1,5 lần (từ 19 người/1.000 dân vào năm 1999 tăng lên 30 người/1.000 dân vào năm 2009) và con số này ngày càng tăng trong những năm gần đây. Tính đến ngày 01/04/2014, trong vòng 5 năm trước thời điểm điều tra, trong số hơn 83 triệu dân từ 5 tuổi trở lên, có 1,4 triệu người di cư trong huyện (1,7%); 1,6 triệu người di cư giữa các huyện (2%); và 2,6 triệu người di cư giữa các tỉnh (3,1%) (Tổng cục Thống kê và UNFPA, 2016).

Vấn đề di cư dễ kiểm soát của con cái có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của những người ở lại quê nhà, đặc biệt là cha, mẹ cao tuổi của họ. Nhìn chung, người lao động di cư sẽ có đóng góp tích cực về mặt kinh tế cho gia đình thông qua tiền và hiện vật, mà họ gửi về cho người thân. Qua đó, góp phần đảm bảo thu nhập, nâng cao sức khỏe cho cha, mẹ già và những người trong gia đình ở lại quê nhà (nghiên cứu của Cameron và Cobb-Clark (2005) về người cao tuổi ở Indonesia. Tuy vậy, việc con cái - lực lượng lao động chính trong gia đình đi xa đã để lại không ít tác động bất lợi cho cha, mẹ già ở quê của họ, như sự lo lắng cho cuộc sống bấp bênh của con cái họ nơi đó thì, cảm giác cô đơn tuổi già khi con cái đi xa, phải gánh vác thêm công việc gia đình và xã hội thay con, hay không có người giúp đỡ công việc đồng áng... (Gautam, 1999; Antman, 2011).

Đã có nhiều tác giả đánh giá tác động của việc con cái di cư ở Việt Nam, nhưng họ mới chủ yếu đánh giá vai trò của tiền gửi về từ con cái di cư quốc tế đối với

cuộc sống của cha, mẹ cao tuổi. Nghiên cứu của Barbieri (2006) cho thấy, việc con cái di cư đi làm ăn xa được kỳ vọng là có những ảnh hưởng tích cực đáng kể và đa chiều lên cuộc sống của cha, mẹ già ở nông thôn Việt Nam - nơi mà các khoản an sinh xã hội cho NCT còn ít và trách nhiệm chăm sóc NCT phần lớn vẫn là từ người thân trong gia đình và cộng đồng.

Theo Giang và Pfau (2008), việc nhận tiền gửi từ con cái và các chương trình an sinh xã hội đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong giảm nghèo cho NCT, nhất là những người ở khu vực nông thôn.

Lê Bạch Dương và Nguyễn Thanh Liêm (2011) cho rằng, việc di cư của con cái có khả năng cải thiện đời sống hơn thu nhập và điều kiện sống của cha, mẹ và những người thân còn lại ở quê nhà thông qua những khoản tiền và hàng hóa gửi về. Nhưng, nghiên cứu không phân tích rõ là cha, mẹ được hưởng bao nhiêu từ tiền do con cái gửi về và ảnh hưởng của người di cư lên sức khỏe, đời sống tinh thần của cha, mẹ già ở quê như thế nào.

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích, thống kê phân tích dựa trên số liệu từ cuộc khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam (VHLSS) năm 2012, bởi lý do cuộc khảo sát có đầy đủ các thông tin liên quan đến người di cư và tiền gửi nhận được của các hộ gia đình từ người di cư. Mặc dù, có 3 cuộc khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam vào các năm 2014, 2016 và 2018, nhưng thông tin liên quan đến người di cư chỉ dừng lại ở khái niệm người di cư, còn tiền gửi về từ người di cư cho các hộ gia đình chưa được thể hiện rõ. Cuộc khảo sát này do Tổng cục Thống kê Việt Nam (GSO) phối hợp cùng các tổ chức quốc tế khác thực hiện.

Cỡ mẫu phát ra trong cuộc khảo sát là 9.399 hộ gia đình, trong đó có 2.922 hộ gia đình có ít nhất một NCT; số người tham gia trả lời phỏng vấn là 36.655 người, trong đó có 3.978 NCT trả lời phỏng vấn.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Giá trị tiền gửi theo loại hình di cư

Người di cư nội địa trong nghiên cứu này được xác định là người kể từ năm 2002 có khoảng thời gian di chuyển hộ gia đình đến một nơi khác (như: xã/phường; nơi khác trong tỉnh; tỉnh/thành phố khác) ít nhất 6 tháng vì lý do việc làm. Ở cuộc khảo sát này, tiền gửi nhận được của các hộ gia đình

từ người thân đi cư trong nước là tiền mặt và hiện vật, mà người đi cư đã cho/biểu/mừng trong vòng 12 tháng trước điều tra.

Tiền gửi về từ người đi cư được xác định là khoản tiền, hoặc giá trị bằng tiền của các loại hàng hóa, mà các hộ gia đình nhận được từ các thành viên hộ gia đình, ban bè không sống trong hộ gia đình, nhưng không bị yêu cầu phải thanh toán lại. Ở cuộc khảo sát này, tiền gửi nhận được của các hộ gia đình từ người thân đi làm trong nước mới chỉ thể hiện một tiền mặt hay giá trị bằng tiền của các hàng hóa do người thân đi làm ăn trong nước gửi về ở mức hộ gia đình.

Tuy nhiên, cuộc khảo sát không có thông tin về mối quan hệ giữa người gửi tiền về với hộ gia đình và cũng không thể hiện thông tin về việc tiền gửi sẽ được phân bổ cụ thể cho mỗi thành viên trong hộ như thế nào, và chi tiêu của mỗi thành viên trong hộ là bao nhiêu? Đặc biệt là không có thông tin nào về việc chi cho NCT bao nhiêu.

Bảng 1 cho thấy, tiền gửi từ đi cư nội địa chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số tiền gửi và gấp ba lần giá trị tiền gửi từ đi cư quốc tế (74,2% so với 25,8%).

Thực trạng đời sống kinh tế thông qua việc nhận tiền gửi của NCT Việt Nam khi con cái đi cư nội địa

Bảng 2 cho thấy, tiền gửi từ đi cư nội địa chiếm tỷ trọng lớn nhất (86,6%) trong tổng số các hộ gia đình có người

đi cư và nhận được tiền gửi. Đối với các hộ gia đình có ít nhất một NCT nhận được tiền gửi từ đi cư nội địa cũng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng số những hộ gia đình có NCT nhận được tiền gửi (34,8%). Trong số các hộ gia đình không nhận được tiền gửi (5,9%), thì tỷ lệ hộ gia đình có NCT không nhận tiền gửi chiếm tỷ lệ rất thấp (0,9%). Số hộ gia đình nhận được tiền gửi cả từ đi cư quốc tế và đi cư nội địa (5,7%), thì số hộ gia đình có NCT chỉ chiếm tỷ lệ thấp (2,2%).

Bảng 3 cho thấy, tỷ trọng giá trị tiền gửi từ đi cư nội địa chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng giá trị tiền gửi vào năm 2012 (74,2%). Đối với các hộ gia đình có ít nhất một NCT, thì tỷ trọng tiền gửi từ đi cư nội địa cũng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng giá trị tiền gửi, mà các hộ gia đình có NCT nhận được (28,5%).

Khảo sát cũng chỉ ra rằng, mỗi hộ gia đình có NCT nhận trung bình hơn 10 triệu đồng/năm, trong khi các hộ gia đình nói chung nhận trung bình chỉ khoảng 7,8 triệu đồng/năm từ đi cư nội địa.

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy, tiền gửi từ đi cư nội địa chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng số các hộ gia đình có người đi cư và nhận được tiền gửi (86,6%). Đối với các hộ gia đình có ít nhất một NCT nhận được tiền gửi từ đi cư nội địa cũng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng số những hộ gia đình có NCT nhận được tiền gửi (34,8%).

Kết quả cũng cho thấy, tỷ lệ các hộ gia đình có NCT nhận được tiền gửi từ đi cư nội địa chiếm cao nhất trong số các hộ gia đình có NCT có người đi cư (74,2%). Đối với các hộ gia đình có ít nhất một NCT, thì tỷ trọng tiền gửi cũng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng giá trị tiền gửi, mà các hộ gia đình có NCT nhận được (28,5%). □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Bạch Dương và Nguyễn Thanh Liêm (2011). *Từ nông thôn ra thành phố: tác động kinh tế - xã hội của di cư ở Việt Nam*, Nxb Lao động
2. UNFPA (2011). *Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam: Thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị chính sách*
3. Tổng cục Thống kê (2012). *Chuyên khảo về di cư và đô thị hóa: thực trạng, xu hướng và những khác biệt*, truy cập từ: http://www.gso.gov.vn/Modules/Doc_Download.aspx?DocID=13313
4. Tổng cục Thống kê và UNFPA (2016). *Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2014: Di cư và đô thị hóa ở Việt Nam*, truy cập từ: <http://vietnam.unfpa.org/vi/publications/di-c%C6%B0-v%C3%A0-%C4%91%C3%B4-t%E1%BB%8B-h%C3%B3a-%E1%BB%9F-vi%E1%BB%87t-nam>
5. Antman M. Francisca (2011). *How does child migration affect the health of elderly parents left behind? Evidence from Mexico*
6. Barbieri Magali (2006). *Doi Moi and the Elderly: Intergenerational support under the strain of reform*, Paper prepared for presentation at the 2006 Population of America Association Meeting, Los Angeles
7. Cameron and Cobb-Clark (2005). *Financial transfers from children reduce the need for elderly parents to work in developing countries?*, The Australian National University, Center for Economic Policy Research, 508
8. Gautam Tika Ram (1999). Migration and the problem of old age people in Nepal. *Dhaulagiri Journal of Sociology and Anthropology*, 1(2), 145-160
9. Giang Thanh Long and Wade D. Pfau (2008). *The vulnerability of the elderly households to poverty: Determinants and Policy implication for Vietnam*, Vietnam development forum